

1

- Anh Lê Đỗ Đ1, sinh năm 1991, xin xét xử vắng mặt.
- Chị Phạm Thu H1, sinh năm 1991, xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số X, ngách X1 đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Bà Đỗ Thị Tuyết M trình bày:** Năm 2001, bà M mua của bà Trương Thị B1 diện tích đất 45,5m², tại số X2, hẻm X3 đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội, có giấy viết tay. Năm 2019, bà M đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng theo quyết định của UBND quận B, thành phố Hà Nội thì gia đình bà phải nộp nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất đã mua của bà Trương Thị B1 nên bà không đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét: Hủy các quyết định sau: Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND quận B về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND quận B về giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2. Xác định lại nghĩa vụ tài chính cho gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật.

* **Quan điểm của Chủ tịch và UBND quận B:** Trên cơ sở rà soát hồ sơ, tài liệu về quá trình giải quyết vụ việc, UBND quận B có ý kiến như sau:

1. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Theo báo cáo của UBND phường N, phòng Tài nguyên và Môi trường quận B, hồ sơ tài liệu và kết quả kiểm tra xác minh thấy nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tại số X2, hẻm X3 đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ theo hồ sơ kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác nhận của UBND phường N, nguồn gốc đất nông nghiệp, gia đình bà M mua lại sử dụng từ năm 2001, phù hợp với quy hoạch đất ở theo quy hoạch chi tiết quận B tỷ lệ 1/2000 được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 68/2000/QĐ-UB ngày 14/7/2000, sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

- Quá trình sử dụng đất, gia đình cung cấp Bằng khoán điền thổ số 71 năm 1944 (bản phôtô) đứng tên ông Trương Trọng H2. Sau khi cụ H2 chết bà Trương Thị T1 (con gái) và bà Trịnh Thị N1 (con dâu) thừa hưởng sử dụng.

Ngày 28/9/1994, bà Trương Thị T1 và bà Trịnh Thị N1 lập biên bản hợp phân chia nhà đất cho các con cháu, trong đó bà Trương Thị B1 được chia một phần đất (giấy tờ viết tay).

Ngày 21/10/2001, bà Trương Thị B1 bán lại nhà đất cho bà Đỗ Thị Tuyết M 45,5m² (giấy tờ mua bán viết tay); bà M có đơn xác nhận, cam đoan nội dung mua bán là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai.

Căn cứ các quy định pháp luật, xét tờ trình của UBND phường N và tờ trình của phòng Tài nguyên và Môi trường quận B; ngày 21/9/2020, UBND quận B ban hành Quyết định số 2054/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đỗ Thị Tuyết M

và ông Lê Văn T tại số X2, ngách X3 đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

Như vậy, việc UBND quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đỗ Thị Tuyết M và ông Lê Văn T tại số X2, ngách X3 đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung khiếu nại Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND quận B về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

UBND quận B đã tiếp nhận, thụ lý đơn khiếu nại, giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của công dân theo quy định.

Theo báo cáo của UBND phường N, phòng Tài nguyên và Môi trường quận B, hồ sơ tài liệu và kết quả kiểm tra xác minh thấy: Bà Đỗ Thị Tuyết M cho rằng giấy tờ nhà đất của bà thuộc quy định tại khoản 1, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, nên bà không phải nộp tiền sử dụng đất.

Đối chiếu hồ sơ lưu khi xét công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đỗ Thị Tuyết M và ông Lê Văn T, không có giấy tờ theo quy định tại khoản 1, Điều 100, Luật Đất đai năm 2013. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B đã có biên bản làm việc với bà Đỗ Thị Tuyết M đề nghị cung cấp giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 theo đúng thể thức. Cụ thể, tại điểm 2, khoản 9, Điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BNTMT ngày 29/9/2017 quy định: “Khi nộp các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013; các Điều 18, Điều 31, Điều 32, Điều 33 và Điều 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ; khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (nếu có) để làm thủ tục đăng ký lần đầu hoặc đăng ký biến động theo quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 9a và Điều 10 của thông tư này thì người nộp hồ sơ được lựa chọn một trong các hình thức sau:

a) Nộp bản sao 2 giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực;

b) Nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao;

c) Nộp bản chính giấy tờ.”

Bà Đỗ Thị Tuyết M không cung cấp được các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo đúng thể thức theo quy định trên. Do đó, việc xem xét áp nghĩa vụ tài chính quy định tại khoản 2, Điều 100 Luật Đất đai 2013 theo yêu cầu khiếu nại của bà là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Căn cứ các quy định của pháp luật tại thời điểm xét công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nhà đất tại địa chỉ số X2, hẻm X3 đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội không có giấy tờ theo quy định tại khoản 1, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Xét nguồn gốc đất tại địa chỉ trên đã được UBND phường N xác nhận là đất nông nghiệp, gia đình mua lại sử dụng từ năm 2001; thời điểm sử dụng đất từ sau năm 1993 trước năm 2004; thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất sau năm 1993 trước năm 2004; UBND quận B xác định nghĩa vụ tài chính bà Đỗ Thị Tuyết M và ông Lê Văn T phải thực hiện khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND quận B là đúng theo quy định pháp luật.

Ngày 18/01/2021, đại diện UBND quận B đã tổ chức đối thoại với bà Đỗ Thị Tuyết M.

Ngày 25/01/2021, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Đỗ Thị Tuyết M (lần đầu), theo đó nêu rõ: “*Giữ nguyên nội dung Quyết định số 2054/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đỗ Thị Tuyết M và ông Lê Văn T tại số X2, hẻm X3 đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.*”

Như vậy, việc xét duyệt, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với bà Đỗ Thị Tuyết M tại địa chỉ số X2, hẻm X3 đường H, phường N, quận B đã được UBND quận B giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật.

*** Quan điểm của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội:** Trên cơ sở Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đến nay người đại diện theo ủy quyền không có ý kiến khác với quan điểm đã thể hiện tại quyết định này.

*** Quan điểm của UBND phường N:** Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã yêu cầu UBND phường N cung cấp hồ sơ quản lý đất đai và trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tuyết M nhưng UBND phường không cung cấp tài liệu, không có quan điểm theo yêu cầu của thẩm phán.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 256/2023/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ vào khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a, khoản 3 Điều 116; điểm g, khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 144; khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tuyết M về việc yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND quận B về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyết định 124/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Quyết định 4021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/9/2023, người khởi kiện là bà Đỗ Thị Tuyết M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Đỗ Thị Tuyết M giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; việc ban hành các quyết định hành chính của người bị kiện là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Đỗ Thị Tuyết M, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 07/9/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của người khởi kiện là bà Đỗ Thị Tuyết M đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 256/2023/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là trong thời hạn, nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đều đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 14/10/2021, bà Đỗ Thị Tuyết M nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai, là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật Tố tụng hành chính và trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Các Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND quận B về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là các quyết định hành chính có liên quan được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị Tuyết M:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì các Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND quận B về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết

khiếu nại lần hai, đều đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2014; Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà đất: Theo hồ sơ kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được bà M thừa nhận, kèm theo các tài liệu do bà M cung cấp và xác nhận của UBND phường N thì nguồn gốc đất là của cụ Trương Trọng H2 (có bản photo Bằng khoán điền thổ số 71 năm 1944 đứng tên cụ H2). Sau khi cụ H2 chết, bà Trương Thị T1 (con gái) và bà Trịnh Thị N1 (con dâu) thừa hưởng, sử dụng. Ngày 28/9/1994, bà Trương Thị T1 và bà Trịnh Thị N1 lập biên bản hợp phân chia nhà đất cho con cháu; trong đó, bà Trương Thị B1 được phân chia 55m² (đo thực tế là 45,5m²). Ngày 21/10/2001, bà Trương Thị B1 có giấy chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Tuyết M ngôi nhà cấp 4, diện tích 30m² trên diện tích đất 45,5m² và gia đình bà M sử dụng ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch đất ở tỷ lệ 1/2000 được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 68/2000/QĐ-UB ngày 14/7/2000. Năm 2019, bà Đỗ Thị Tuyết M và ông Lê Văn T có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích 45,5m² của hộ bà Đỗ Thị Tuyết M ở số X2, ngách X3 đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội và phần diện tích đất này thuộc 1 phần trong thửa đất 119, tờ bản đồ số 52, diện tích 502,64m², theo bản đồ đo đạc năm 1993, nhưng không có sổ mục kê.

Theo các tài liệu lưu tại UBND phường N bao gồm đơn xin lại đất chuyển đóng thuế phường ngày 10/7/1989 của bà Trịnh Thị N1, (là con dâu của cụ Trương Trọng H2, vợ ông Trương Văn T2), có xác nhận của Hợp tác xã H3; đơn trình bày về nguồn gốc nhà đất trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận của bà Trương Thị B1 (ngày 18/10/2018), bà Trương Thị Thống N2 (ngày 30/11/2016), bà Trương Thị H4 (ngày 23/11/2016), là các con gái của bà Trịnh Thị N1, thể hiện diện tích 45,5m² của hộ bà Đỗ Thị Tuyết M ở số X2, ngách X3 đường H, phường N, quận B có nguồn gốc nhà đất do ông Trương Trọng H2 quản lý, sử dụng theo Bằng khoán điền thổ số 71, cấp năm 1944 nêu trên. Do gia đình làm nghề trồng hoa, quả, cây thuốc... và thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, gia đình đưa diện tích đất nêu trên vào Hợp tác xã H3..., nên sau khi cụ Trương Trọng H2 và ông Trương Văn T2 chết thì ngày 16/10/1989, bà Trịnh Thị N1 có đơn xin lại diện tích đất, được Hợp tác xã H3 xác nhận, chuyển 430m² sang đóng thuế do UBND phường thu.

Hiện tại trên thửa đất thể hiện có 03 nhà G1 và 01 công trình (b); thuộc 1 phần thửa 13, tờ bản đồ 7G-I-17, diện tích 478,1m² (bản đồ năm 1998). Trên thửa đất có nhà G1 là không có hồ sơ địa chính, sổ sách quản lý đất đai xác định loại đất đối với thửa đất 119, tờ bản đồ số 52, diện tích 502,64m² (bản đồ năm 1993); thửa 13, tờ bản đồ 7G-I-17, diện tích 478,1m² (bản đồ năm 1998), trong đó có diện tích nhà đất 45,5m² của hộ bà Đỗ Thị Tuyết M. Do đó, UBND quận B xác định diện tích 45,5m² của hộ bà Đỗ Thị Tuyết M ở số X2, ngách X3 đường H, phường N, quận B là đất nông nghiệp (đất vườn gắn liền với nhà ở), là có cơ sở và phù hợp với nội dung trình bày của bà Trịnh Thị N1 (có xác nhận của Hợp tác

xã H3), bà Trương Thị B1, bà Trương Thị Thống N2, bà Trương Thị H4 (tức Hằng), là các con cháu của cụ Trương Trọng H2; phù hợp với nội dung cung cấp thông tin tại Văn bản số 5518/STNMT-TTr ngày 15/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, nên việc cơ quan có thẩm quyền xác định trường hợp này phải nộp nghĩa vụ tài chính bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, là đúng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định.

Như vậy, Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND quận B về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị Tuyết M và ông Lê Văn T, trong đó có nội dung về nghĩa vụ tài chính là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.2.2] Đối với việc giải quyết khiếu nại:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị Tuyết M, Chủ tịch UBND quận B và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã tổ chức xác minh và đối thoại theo quy định, nhưng bà M không cung cấp thêm được các tài liệu chứng cứ khác làm thay đổi nội dung vụ việc. Căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng đất nêu trên, ngày 25/01/2021, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Đỗ Thị Tuyết M với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND quận B về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đỗ Thị Tuyết M tại số X2, ngách X3 đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần hai, không chấp nhận khiếu nại của bà Đỗ Thị Tuyết M là có căn cứ, đúng quy định.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bà Đỗ Thị Tuyết M là không có cơ sở để chấp nhận, nên cần giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: bà Đỗ Thị Tuyết M là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Tuyết M, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 256/2023/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Đỗ Thị Tuyết M.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Sỹ Hưng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Phan Thị Vân Hương Nguyễn Văn
Cường**

Hồ Sỹ Hưng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Sỹ Hưng